








HOLLY ACADEMY – TIẾNG ANH CÔ HƯƠNG

Name:

Class:

Date:

I. Vocabulary:

				
1. Russia: nước Nga	2. Great Britain: nước Anh	3. Mexico: nước Mexico	4. Vietnam: nước Việt Nam	5. Egypt: Ai Cập

II. Structure:



I'm from Russia.







He's from Great Britain.

She's from Egypt.





WORKSHEET

1. Listen and tick (Nghe và đánh dấu ✓ vào bức tranh đúng)

1.   <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2.   <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	  <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
---	--	--

4.   <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	5.   <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	6.   <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
---	--	---

EXERCISE 2: Look and choose the correct word (Nhìn tranh và chọn đáp án đúng)

1. 	Vietnam	Great Britain	Russia
2. 	Russia	Mexico	Great Britain
3. 	Russia	Egypt	Mexico
4. 	Mexico	Great Britain	Russia

EXERCISE 3: Look and find the words at the wordsearch (Nhìn, tìm từ tương ứng tranh)

Britain



H	I	S	H	E	G	Y	P	T	S
B	R	I	T	A	I	M	H	E	H
R	O	B	A	T	I	X	I	H	I
I	T	H	R	V	A	I	A	A	M
T	M	E	X	I	C	O	M		U
A	O	A	S	E	T	E	E	O	M
N	P	S	B	T	A	A	X	M	I
I	U	C	B	N	N	M	I	O	B
R	U	S	I	A	A	O	O	N	A
V	I	E	T	M	A	M	H	S	E



EXERCISE 4: Match (Nối tranh với từ đúng)



Russia

Mexico

Great Britain

Egypt

Vietnam

EXERCISE 5: Reorder the words: (sắp xếp các chữ cái để tạo thành từ có nghĩa)

xcioeM	1.	Rassiu	2.
tpEyg	3.	aetrG Biraint	4.

EXERCISE 6: Look and answer the questions(Nhìn tranh và trả lời câu hỏi)

	1. I'm from Vietnam.		2. He
	3. She.....		4. He.....